

GIÁ TRỊ & SỐ SUẤT HỌC BỔNG KKHT HK CUỐI 2019 KHÓA 41- XÉT KQHP HK8

STT	Chuyên ngành	Đơn giá tín chỉ	Giá trị HB bán phần (mức khá)	SLSV	Số suất HB mức khá
	(1)	(2)	(3)=(2)*15/2	(4)	(5)
	Khóa 41-Nhóm 1			56	5.40
1	Toán tài chính	257,000	1,927,500	22	2.12
2	Thống kê KD	257,000	1,927,500	34	3.28
	Khóa 41-Nhóm 2			2,096	222.40
3	Quản trị	538,000	4,035,000	248	26.31
4	Quản trị khởi nghiệp	538,000	4,035,000	49	5.20
5	QT lữ hành	538,000	4,035,000	87	9.23
6	Kinh doanh quốc tế	538,000	4,035,000	91	9.66
7	Ngoại thương	538,000	4,035,000	98	10.40
8	Kinh doanh thương mại	538,000	4,035,000	179	18.99
9	Marketing	538,000	4,035,000	178	18.89
10	Tài chính	538,000	4,035,000	273	28.97
11	Ngân hàng	538,000	4,035,000	241	25.57
12	Chứng khoán	538,000	4,035,000	47	4.99
13	Kế toán doanh nghiệp	538,000	4,035,000	448	47.54
14	Kiểm toán	538,000	4,035,000	86	9.13
15	Tiếng Anh TM	538,000	4,035,000	71	7.53
	Khóa 41-Nhóm 3			810	79.80
16	Kinh tế học	538,000	4,035,000	23	2.27
17	KT kế hoạch ĐT	538,000	4,035,000	106	10.44
18	QL nguồn nhân lực	538,000	4,035,000	88	8.67
19	Thẩm định giá	538,000	4,035,000	101	9.95
20	KT bất động sản	538,000	4,035,000	41	4.04
21	Quản trị chất lượng	538,000	4,035,000	91	8.97
22	Tài chính công	538,000	4,035,000	178	17.54
23	Kinh doanh bảo hiểm	538,000	4,035,000	24	2.36
24	Kế toán công	538,000	4,035,000	64	6.31
25	Tin học quản lý	538,000	4,035,000	49	4.83
26	Luật kinh doanh	538,000	4,035,000	45	4.43
	TỔNG K.41			2,962	307.6